

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Năm báo cáo: 2016

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	12
6. Các rủi ro	13
II. Tình hình hoạt động trong năm 2016	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	28
4. Tình hình tài chính	28
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	30
III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	33
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	33
2. Tình hình tài chính	34
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	35
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	36
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	37
IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị	37
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	37
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	39
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	39
VI. Báo cáo quản trị Công ty	40
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	40
2. Ban kiểm soát	41
VII. Báo cáo tài chính	42

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016
- Vốn điều lệ: 15.775.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.775.000.000đồng
- Địa chỉ: 196 Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0511.3821785
- Số fax: 0511.3893082
- Website: quanlyduongsatqndn@vnn.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DNR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trước năm thành lập: Là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế. Năm thành lập: Từ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế được chuyển thành doanh nghiệp hoạt động công ích theo Quyết định số: 878/1998/QĐ-TCCB-LĐ ngày 17/4/1998.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải Chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 734/2003/QĐ-BGTVT.

- Ngày 29/6/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có quyết định chuyển đổi Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 712/QĐ-ĐS.

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng có Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 9.574.902.070 đồng (Chín tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm linh hai nghìn, không trăm bảy mươi đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/09/2013.

- Đến ngày 08/01/2015, Bộ giao thông vận tải có quyết định số:64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

- Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng khi cổ phần hóa là: 15.775.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số

0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016.

- Ngày 24/6/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng trên thị trường UPCoM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt. Xây dựng công trình đường bộ. Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.	4210(chính)
3.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường sắt, đường bộ Chi tiết: Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông	5221
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu	4669
7.	Kiểm tra phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu	7120
8.	Xây dựng công trình công ích	4220
9.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
10.	Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng; tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng.	7110
11.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở chính)	2395
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

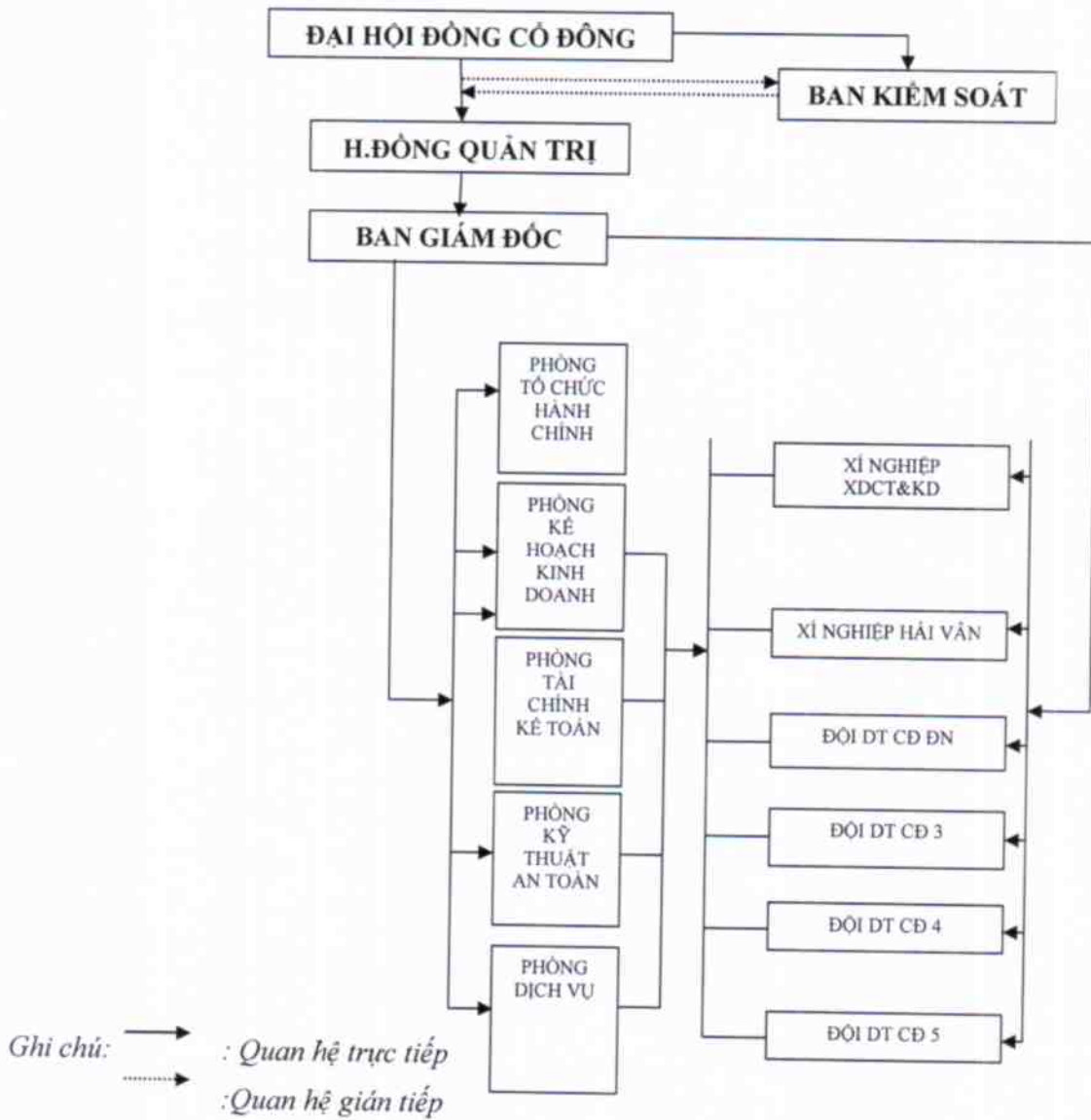
	Chi tiết: Sản xuất cầu kiện kim loại, kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở chính)	
15.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khoáng sản, kim loại (không hoạt động tại trụ sở chính)	2399
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4752

* Địa bàn kinh doanh: hoạt động chủ yếu ở tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



* Bộ máy quản lý của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối

với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

- **Ban điều hành:**

+ **Giám đốc:** Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

+ **Các Phó Giám đốc:** Giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

+ **Kế toán trưởng:** Giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính- kế toán của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

- Các phòng, ban chức năng:**➤ Phòng Kỹ thuật – An toàn****- Chức năng**

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, giám sát an toàn chạy tàu, quản lý đất đai trong phạm vi công ty;
- Xây dựng, phổ biến, kiểm tra thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật;
- Lập phương án, thiết kế sửa chữa, gia cố các công trình dọc tuyến;
- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo ATCT, KHKT, PCBL;
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý phạm vi bảo vệ công trình Đường sắt, hành lang ATGTĐS, giám sát an toàn chạy tàu.

- Nhiệm vụ

- Kiểm tra thường xuyên định kỳ, đột xuất trạng thái cầu đường phát hiện kịp thời những biến dạng uy hiếp đến ATCT, tham mưu cho Giám đốc biện pháp xử lý khắc phục để đảm bảo ATCT.
- Tham gia vào công tác điều tra, nghiệm thu SCTX, chỉ đạo thực hiện KHSX
- Lập phương án thi công, biện pháp đảm bảo an toàn cho công tác thi công các công trình.
- Chỉ đạo kỹ thuật, giám sát chất lượng. Nghiệm thu các công trình sửa chữa thường xuyên, khẩn cấp, sửa chữa lớn cầu, đường, ghi.
- Kiểm tra việc thực hiện QTQP của các chức danh tuần gác, các địa điểm thi công trên tuyến.
- Tổ chức hướng dẫn đo đạc, kiểm nghiệm, định lượng các công trình để chủ động trong việc lập hồ sơ hoàn công công trình .
- Hàng quý tổ chức phúc tra để đánh giá trạng thái cầu, đường, ghi và các mặt quản lý khác của các cung cầu, đường, chắn trong công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch các công trình cầu, đường, kiến trúc, đất đai trên tuyến
- Lập báo cáo định kỳ về công tác quản lý kỹ thuật.
- Thường trực tổ chức hội nghị ATCT, PCBL, chống xóc lắc của công ty.
- Theo dõi phạm vi bảo vệ Đường sắt và hành lang ATGT đường sắt được quy định trong Luật đường sắt, Nghị định 39/CP và các thông tư nghị định, văn bản khác hướng dẫn về ATGT đường sắt.
- Đồn đốc, nhắc nhở các đơn vị kiểm tra, theo dõi phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vi phạm đe dọa đến an toàn các công trình giao thông đường sắt.

- Quan hệ với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... phối hợp tuyên truyền đến toàn dân nâng cao ý thức bảo vệ hành lang ATGT đường sắt, ý thức chấp hành luật lệ ATGT đường sắt.
- Tham mưu cho lãnh đạo soạn văn bản báo cáo định kỳ, đột xuất với địa phương, với ngành về công tác ATGT đường sắt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... các lực lượng chức năng khác tuyên truyền, giải toả, xử lý những vi phạm hành lang ATGT đường sắt

➤ **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

– **Chức năng**

- Tổ chức, quản lý, điều hành thực hiện công tác kế hoạch phục vụ SXKD của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý vật tư, máy móc thiết bị của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch SXKD kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật tháng, quý, năm, công tác vật tư, tham mưu cho giám đốc về chiến lược SXKD của Công ty.
- Kết hợp với các đơn vị, các phòng chức năng để thanh toán SCTX tháng, quý, năm và thực hiện nhiệm vụ chung của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng kinh tế về kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về thanh quyết toán các công trình.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty thanh lý các hợp đồng kinh tế về xây lắp và mua sắm vật tư, thiết bị.
- Lập các dự án về mua sắm vật tư, thiết bị, dự án xây dựng các công trình.
- Tham gia xây dựng định mức lao động nội bộ công ty.
- Xây dựng nội qui, qui chế về quản lý sử dụng vật tư, thiết bị máy móc trong công ty.
- Phân tích đánh giá báo cáo kết quả về công tác quản lý vật tư thiết bị.
- Đề xuất các phương án nghiên cứu khoa học kỹ thuật cải tiến đổi mới thiết bị.
- Phát hiện đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ những hoạt động kỹ thuật trái với qui định để phù hợp với tình hình sản xuất của đơn vị.
- Mua sắm, cấp phát vật tư kịp thời cho công tác SCTX và các công trình.
- Quan hệ mật thiết các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của công ty để thống nhất số liệu, giải quyết tốt những vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ.

- Ngoài ra trực tiếp tham gia mua sắm một số vật tư quan trọng và máy móc thiết bị của công ty.
- Kiểm soát xuất nhập hàng hoá vật tư sắp xếp hàng hoá trong công ty, tổ chức bốc xếp, vận chuyển vật tư trong nội bộ công ty.
- Tham gia xây dựng, sửa đổi định mức lao động phù hợp với thực tế của công ty

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính**

– **Chức năng**

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động, công tác bảo vệ an ninh trật tự và công tác bảo vệ vật tư, thiết bị đường sắt ở các đơn vị.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác hành chính, quản trị thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ và quản lý nhà ở tập thể, nhà làm việc của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý Y tế và chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV.

– **Nhiệm vụ**

- Chủ trì nghiên cứu đề xuất và chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc được phân công trên cơ sở các quy định của nhà nước của ngành, gồm các việc
- Xây dựng cơ cấu và tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng cơ cấu lao động, định biên của các đơn vị, bộ phận.
- Tổ chức việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch BHLĐ và các kế hoạch khác theo quy định.
- Xây dựng nội qui, qui chế phương án làm việc và biện pháp thực hiện.
- Tham mưu cho lãnh đạo về quản lý nhân lực bố trí đủ, đúng cán bộ, nhân lực cho các phòng, các đội sản xuất thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thường trực Hội đồng xây dựng định mức lao động nội bộ của Công ty.
- Triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước và của ngành về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động đến toàn thể CBCNV.
- Quan hệ mật thiết với các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp để thống nhất về số liệu giải quyết tốt những vấn đề về nghiệp vụ chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch công tác bảo vệ an ninh trật tự hàng năm.
- Quan hệ các đơn vị địa phương để thực hiện tốt công tác bảo vệ đường sắt.

- Quản lý nghiệp vụ Hành chính, tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ.
- Tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện công tác Lễ nghi, khánh tiết.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát tổ, nhóm, cán bộ công nhân viên làm việc hàng ngày, đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời.
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư lưu trữ theo quy định.
- Lập kế hoạch tổ chức công tác phục vụ đời sống và mua sắm thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Phối hợp với các phòng ban tham mưu giúp Giám đốc tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra các phương tiện BHLĐ, môi trường và điều kiện làm việc, lao động để giảm bớt tối thiểu về TNLĐ. Đề xuất các biện pháp phòng và khống chế bệnh nghề nghiệp.
- Thường trực cấp cứu các trường hợp bị tai nạn do bệnh tật, lao động.
- Quản lý sức khỏe theo đúng đối tượng cùng với y tế tuyến trên khám sức khỏe định kỳ hằng năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám tuyển dụng lao động. Lập hồ sơ quản lý sức khỏe CBCNV.
- Quản lý hồ sơ y tế.
- Quản lý dược và tài sản Công ty trang bị cho phòng
- Quản lý các chức danh thuộc phòng quản lý.

➤ **Phòng Tài chính Kế toán**

– **Chức năng**

- Quản lý tài chính của công ty : Quản lý vốn và Quản lý TSCĐ.
- Thống kê hạch toán kinh tế của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Hướng dẫn, đôn đốc; kiểm tra và thu nhập đầy đủ, kịp thời tất cả chứng từ kế toán của công ty.
- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng mọi nội dung công việc kế toán của công ty.
- Giúp giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phân tích mọi hoạt động tài chính của công ty. Kiểm tra kế hoạch thu chi để phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động vi phạm chế độ tài chính của nhà nước.
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty công tác thu hồi vốn của các công trình trong và ngoài sản xuất chính.

- o Ngoài ra còn phải tham gia công tác kiểm kê TSCĐ và tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo qui định.

➤ Phòng Dịch vụ

- Chức năng

Chịu trách nhiệm về công tác quản lý các loại hình kinh doanh, dịch vụ, thương mại của Công ty như sau: Sân Tennis, sân cầu lông, bóng bàn các nhà khách, nhà nghỉ, các ki ốt, tạp hóa, vật liệu xây dựng, nhà hàng.....

- Nhiệm vụ

- o Xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh dịch vụ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- o Phối hợp với các phòng ban xây dựng quy chế của công ty quản lý kinh doanh dịch vụ.
- o Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh dịch vụ theo kế hoạch đã được Công ty phê duyệt.
- o Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính, tổ chức nhân sự, kế hoạch, vật tư, máy móc thiết bị... theo pháp luật hiện hành và quy chế của Công ty.
- o Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, không để tai nạn trở ngại chậm tàu do chủ quan gây ra.

+ Hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn.

+ Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu, bảo quản cầu đường.

+ Thi công các công trình ngoài

+ Đảm bảo an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn lao động chết người.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng

các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Mục tiêu đối với môi trường: Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng các trang bị, đầu tư các các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

+ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế :

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện. CTCP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng là một cá thể trong nền kinh tế nên những yếu tố của nền kinh tế thay đổi sẽ tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

- Rủi ro đặc thù ngành đường sắt:

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của Công ty đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển ngành xây dựng cơ bản, khả năng phân bổ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cho các công trình xây dựng cũng như nguồn vốn chủ đầu tư và sự liên quan đến các Ban ngành khác khi thi công công trình hạ tầng.

Ngành đường sắt là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng. Do đó, lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách, chế độ đối với người lao động đều cũng được xem là những rủi ro đáng quan tâm của Công ty. Những điều kiện khắt khe về kỹ thuật, quy trình thi công đến nghiệm thu công trình

luôn được Công ty áp dụng nhằm đảm bảo về chất lượng.

Bên cạnh đó, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản trong cũng như ngoài nước sẽ dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. Công ty sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của công ty trong ngành.

- Rủi ro giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu và hàng hóa biến động liên tục phần lớn xuất phát từ những hàng hóa "trọng điểm" của nền kinh tế đặc biệt là sắt thép. Việc biến động này sẽ tác động trực tiếp đến chi phí giá thành của sản phẩm. Ngoài ra tình trạng giá xăng dầu tại Việt Nam đang tăng vì phải gánh vác thuế môi trường khá cao. Đây là lý do quan trọng ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển của Công ty.

- Rủi ro luật pháp:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật xây dựng, Luật kinh tế, Luật Đất đai và các luật liên quan. Đồng thời, Công ty vừa chuyển đổi mô hình doanh nghiệp, trở thành Công ty đại chúng, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM, nên chịu tác động từ Luật Chứng khoán và các văn bản dưới Luật hiện nay đang hoàn thiện. Trong thời gian chuyển giao này, việc chưa quen và thích nghi với các quy định về chứng khoán là khó tránh khỏi. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào về pháp luật hoặc chính sách liên quan đều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

- Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016:**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

DVT: Đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.211.983.366	96,81%	114.689.181.831	99,35%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	3.660.741.213	3,19%	746.192.929	0,65%
Tổng cộng	114.872.724.579	100,00%	115.435.374.760	100,00%

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có sự thay đổi so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 114,7 tỷ đồng tăng 3,13% so với cùng kỳ năm 2015. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác giảm so với năm 2015 đạt 746 triệu đồng.

Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng 87,52% doanh thu thuần qua các năm, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt, Công ty còn xây dựng các mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng, hợp đồng với các nhà cung ứng thông qua chào hàng cạnh tranh rộng rãi theo quy định của Pháp luật, gồm: Công ty cổ phần Chu Lai, Công ty cổ phần cơ khí đường sắt Đà Nẵng, Công ty cổ phần đá Hoàng Mai, Công ty cổ phần Công trình 6, Công ty vật tư Đường sắt Đà Nẵng...

2. Tổ chức và nhân sự:**2.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Điều hành
1	Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT	Không
2	Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT – Giám đốc	Có
3	Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT- Phó GD	Có

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Văn Tý	Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam

Ngày sinh	03/07/1960
Số CMND	201358848 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 24/2/2011
Nơi sinh	Khánh Lợi - Tam Điệp - Hà Nam Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	12-14 Nguyễn Thái Bình, TP ĐN
Số điện thoại liên lạc	0913404632
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1987-T11/1997	Kỹ thuật viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/1997- T8/1998	Phó phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1998-T5/2001	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2001 - T10/2002	Quyền Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ 11/2002 - T 7/2003	Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2010	Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Chủ Tịch Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.320 CP (chiếm 1,03% VDL)
Số cổ phần đại diện sở hữu nhà nước	402.263 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam, chiếm 25,50% Vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Ông: Nguyễn Xuân Bình	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/12/1958
Số CMND	201372310 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2011
Nơi sinh	An Khê - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	194B Hải Phòng- Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913404950
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu hầm
Quá trình công tác:	
- Từ T3/1981 - T12/1989	Kỹ thuật viên
- Từ T1/1990- T10/2002	Đội trưởng
- Từ T11/2002- T7/2003	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003- T12/201007/2009 - 12/2011	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 – T12/2015	Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT ,Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.793CP chiếm 1,06% VDL
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	402.262 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam , chiếm 25,50% Vốn điều

	lệ)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		
Những khoản nợ đối với Công ty	Không		
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua		
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:			
Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Đỗ Thị Nụ	Vợ	200877715	2.480 cổ phần tương ứng 0,16% / VDL

Ông: Huỳnh Văn Sơn	Chức vụ: Thành viên HĐQT- kiêm PGĐ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/11/1962
Số CMND	200084911 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 15/3/2015
Nơi sinh	Hải Châu 2 - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K572/136 Ông Ích Khiêm - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913403957
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1982 - t10/1992	Kỹ thuật viên
- Từ T11/1992 - T3/2000	Cán sự phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2000 - T7/2003	Phân đoạn phó - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T11/2005	Phân đoạn phó - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/2005 - T12/2010	Phó Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý

	Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.022 CP (chiếm 0,76% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.2. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Bình	Giám Đốc
2	Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
3	Kiều Thường	Phó Giám đốc
4	Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc
5	Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành

Ông: Nguyễn Xuân Bình	Chức vụ: Giám đốc
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

Ông: Huỳnh Văn Sơn	Chức vụ: Phó Giám đốc
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

Ông Kiều Thường	Chức vụ: Phó Giám đốc
Ngày sinh	12/02/1961
Số CMND	201030640 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/10/2007
Nơi sinh	Điện Nam - Điện Bàn - Quảng Nam - Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam

Báo cáo thường niên

Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	H27/K72/02 Đinh Tiên Hoàng - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0914169417
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác:	
- Từ T8/1979- T8/1982	Công nhân - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1982 - T4/1986	Bộ đội trung đoàn 94
- Từ T5/1986 - T2/2001	Công nhân - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T3/2001 - T7/2003	Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T8/2004	Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2004 - T12/2010	Phó phòng Kỹ thuật
- Từ T1/2011 - T3/2011	Phân đoạn trưởng Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.706CP (chiếm 0,81% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không
Ông Huỳnh Văn Việt	Chức vụ: Phó Giám đốc
Giới tính	Nam

Ngày sinh	09/10/1962
Số CMND	200997091 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2011
Nơi sinh	Thị xã Đông Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/18 Ông Ích Khiêm - Phường Tam Thuận - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913407308
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác:	
- Từ T8/1981 - T6/1987	Thợ điện Xí Nghiệp Đầu Máy
- Từ T7/1987 - T12/1989	Hợp tác lao động nhà máy xe lửa - Bungari
- Từ T1/1990 - T1/2000	Thợ điện ga Đà Nẵng
- Từ T2/2000 - T3/2001	Nhân viên phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2001 - T7/2003	Phó phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T5/2009	Phó phòng Vật tư - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2009 - T12/2010	Giám Đốc - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	14.502CP (chiếm 0,92% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không

Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Bà Phan Thị Lan Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	20/12/1976
Số CMND	201245946 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 17/7/2012
Nơi sinh	Tam Phú - Tam Kỳ - Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	162/6A Đồng Đa - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0905337911
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T1/1999 - T5/2002	Kế toán viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2002 - T7/2003	Chuyên viên tiền lương - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T10/2007	Chuyên viên tiền lương - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T11/2007 - T11/2008	Kế toán viên
- Từ T12/2008 - T12/2010	Phó phòng kế toán
- Từ T1/2011 - T6/2013	Phó phòng kế toán - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T7/2013 - T12/2015	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.716CP (chiếm 0,36% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Ngô Kim Thủy	Thành viên ban kiểm soát
3	Ông Đỗ Quốc Khánh	Thành viên ban kiểm soát

Lý lịch Ban kiểm soát:

Bà: Nguyễn Thị Thu Hương	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	30/9/1975
Số CMND	201274003 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/9/2007
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 77/26D Lê Độ - Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0915852987
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T10/1996 - T7/2003	Thống kê - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2005	Thống kê - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2006 - T12/2010	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

- Từ T1/2011 - T5/2012	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T6/2012 - T12/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2016 đến nay	Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.316CP (chiếm 0,21% VDL)		
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0CP		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		
Những khoản nợ đối với Công ty	Không		
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không		
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần			
Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Phạm Trung Kiên	Chồng	201615005	1.520 cổ phần tương ứng 0,10% / VDL

Bà Ngô Kim Thủy	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	05/10/1980
Số CMND	201448376 Công an Đà Nẵng cấp ngày 7/3/2013
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K526/9 Trần Cao Vân - Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0906425148
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngoại ngữ, kinh tế

Quá trình công tác:			
- Từ T7/2004 - T12/2010		Kế toán viên - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	
- Từ T1/2011 - T12/2015		Kế toán viên - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	
- Từ T1/2016 đến nay		Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	
- 1/6/2016 đến nay		Nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh	
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty		Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác		Không	
Số cổ phần sở hữu cá nhân		10.640 CP (chiếm 0,67% VDL)	
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước		0 CP	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty		Không	
Những khoản nợ đối với Công ty		Không	
Lợi ích liên quan tới Công ty		Không	
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần			
Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Đặng Công Thành	Chồng	201315473	3.280 cổ phần tương ứng 0,21% / VDL
Ông : Đỗ Quốc Khánh		Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát	
Giới tính		Nam	
Ngày sinh		02/9/1960	
Số CMND		201646325 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/3/2009	
Nơi sinh		Bệnh viện 108 Hà Nội	
Quốc tịch		Việt Nam	
Dân tộc		Kinh	
Địa chỉ thường trú		Số 6 Đường Bầu Hạc 5 - Phường Vĩnh Trung - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng	
Số điện thoại liên lạc		0913459889	
Trình độ văn hóa		12/12	
Trình độ chuyên môn		Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt	

Quá trình công tác:	
- Từ T5/1985 - T3/1987	Tập sự trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T4/1987 - T12/1989	Trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T1/1990 - T3/1993	Nhân viên Kế hoạch vật tư Ga Đà Nẵng
- Từ 4/1993 – T12/1997	Phó phòng Kế hoạch Ga Đà Nẵng
- Từ T11/1998 - T9/2003	Phó phòng Kế hoạch vật tư
- Từ T10/2003- T12/2012	Chuyên viên văn phòng đại diện Tổng công ty ĐSVN
- Từ T1/2013- T12/2015	Chuyên viên Tổng công ty ĐSVN - Hà Nội
- Từ 27/12/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ 1/1/2016- 31/1/2016	Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng,
- Từ T2/2016- T3/2016	Chuyên viên Phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2016 đến nay	Phó phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Phó phòng kinh doanh dịch vụ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 CP
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.4. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

Công ty không có thay đổi nào trong năm 2016.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

* Số lượng CBCNV trong công ty (đến ngày 31/12/2016):

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	664	
1	Trên đại học		
2	Đại học	47	7,08%
3	Cao đẳng		
4	Trung cấp	8	1,20%
5	CNKT	609	91,72%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	664	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	664	100,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ		
C	Theo giới tính	664	
1	Nam	481	72,44%
2	Nữ	183	27,56%

* Chính sách đối với người lao động: gồm chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...:

Công ty luôn đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc. Công ty thực hiện chế độ khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Công ty, của ngành, của Nhà nước.

Đồng thời, Công ty luôn chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2016, Công ty không đầu tư thực hiện dự án nào.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	83.535.600.497	78.160.584.014	93,57%
Doanh thu thuần	111.211.983.366	114.689.181.831	103,13%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	942.556.243	2.185.049.456	231,82%
Lợi nhuận khác	102.468.867	20.946.447	20,44%
Lợi nhuận trước thuế	1.045.025.110	2.205.995.903	211,10%
Lợi nhuận sau thuế	813.941.609	1.720.513.032	211,38
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0	700	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,49	1,63	
+ Hệ số thanh toán nhanh. <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,88	1,12	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	83,55%	77,62%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	508,01%	346,75%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,53	4,12	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,33	1,47	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0,73%	1,50%	

thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,92%	9,83%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,97%	2,20%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,85%	1,91%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.577.500 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/CP

5.2. Cơ cấu cổ đông:

* Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty gồm 01 cổ đông:

Tên Cổ đông là: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, chiếm giữ 51% vốn CP

Địa chỉ: 118 Lê Duẩn, TP Hà Nội.

* Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	804.525	51,00%		0	804.525	51,00%
2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	81.375	5,16%			81.375	5,16%
3. Cổ đông trong công ty:	691.600	43,84%		0	691.600	43,84%
Cổ phiếu quỹ						

Cán bộ công nhân viên	691.600	43,84%			691.600	43,84%
4. Cổ đông ngoài công ty:	0					
Cá nhân	0					
Tổ chức	0					
Tổng	1.577.500	100%		0	1.577.500	100%

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là cổ đông sở hữu cổ phần chi phối (51%) đối với Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016 Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư nào của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: không có đợt phát hành chứng khoán khác thực hiện trong năm.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, là các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo... như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện

Trong đó:

- Xăng: 15.596 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Dầu diezen: 89.735 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng, máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...

- Dầu nhờn, nhớt: 3.004 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Điện: 278.937KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn công ty.

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty đã ký hợp đồng mua nước tại các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty, Đối với những khu vực (đặc biệt trên đèo Hải Vân) không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Lượng nước sử dụng trong năm 2016: 5.066m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động.

Trong năm 2016, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

* Chính sách đào tạo:

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- + Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- + Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- + Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.
- Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

* Chế độ khen thưởng:

Chế độ khen thưởng cho CBCNV của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- + Thường cho các đơn vị, cá nhân CBCNV Công ty có thành tích xuất sắc trong năm, thường sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty;

+ Thường các tập thể, cá nhân ngoài ngành đường sắt, ngoài Công ty có nhiều thành tích đóng góp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Các chế độ bảo hiểm**

+ Mọi CBCNV Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động.

+ Công ty hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài từ đỉnh đèo Hải Vân đến Núi Thành (qua thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam) nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

*** Sinh hoạt đoàn thể:**

+ Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng ủy và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng công ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức ngày hội thao của Công ty, tổ chức ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, kỷ niệm ngày 8/3, 20/10 cho chị em nữ CNVC Công ty và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng... , cụ thể phụng dưỡng 02 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh, thành phố xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác,... qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể CBCNV Công ty với nhau và với xã hội.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:***(DVT: triệu đồng)*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2016/ TH2015	TH2016/ KH2016
Doanh thu thuần	111.212	104.361	114.689	103,13%	109,90%
Giá vốn hàng bán	98.662		100.373	101,73%	
Doanh thu hđ tài chính	338		71	21,12%	
Chi phí tài chính, quản lý DN	11.945		12.203	102,15%	
Lợi nhuận từ HĐKD	943		2.185	231,82%	
Thu nhập khác	3.323	15.846	675	20,31%	4,26%
Chi phí khác	3.220		654	20,30%	
Lợi nhuận khác	102		21	20,44%	
Lợi nhuận trước thuế	1.045	2.200	2.206	211,10%	100,27%
Lợi nhuận sau thuế	814	1.716	1.721	211,43%	100,29%
EPS (đồng/cổ phiếu)			700		

Trong năm 2016, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng tăng so với năm 2015. Cụ thể, doanh thu thuần đạt khoảng 114,7 tỷ đồng tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao (chiếm hơn 87% doanh thu thuần) dẫn đến biên lợi nhuận không cao. Do đặc thù ngành đường sắt như thế, nhưng với nỗ lực kiểm soát đầu vào, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm đạt mức 2,2 tỷ đồng tăng 111,10% so năm 2015. Mặt khác, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 2,15% đạt khoảng 12,2 tỷ so với năm 2015. Khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 111,43% so với cùng kỳ năm trước đạt khoảng 1,7 tỷ đồng.

Tuy doanh thu thuần đạt 109,9% so với kế hoạch đặt ra, nhưng thu nhập khác lại không đạt kế hoạch chỉ bằng 4,26% so với kế hoạch, làm cho tổng doanh thu toàn công ty giảm chỉ đạt 96,03% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 100,29% so với kế hoạch, cho thấy sự nỗ lực không ngừng trong công tác kiểm soát các chi phí đầu vào, chi phí quản lý, chi phí khác,... của Công ty.

2. Tình hình tài chính:**2.1. Tình hình tài sản:**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016	TH2016/TH2015
Tài sản ngắn hạn	68.435	67.753	81,92%	86,68%	99,00%
Tài sản dài hạn	15.100	10.408	18,08%	13,32%	68,93%
Tổng tài sản	83.536	78.161	100,00%	100,00%	93,57%

Trong năm 2016, tình hình tài sản của Công ty có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 78,2 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 67,8 triệu đồng giảm 1% so với năm trước. Nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm 24,5% từ 27,8 tỷ đồng còn khoảng hơn 21 tỷ đồng và các khoản phải thu ngắn hạn giảm gần 4 tỷ so với năm 2015.

- Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các tài sản cố định hữu hình, cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1. Nhà cửa, VKT	8.925.765.268	3.323.284.280	37,23%
2. MMTB	7.454.851.996	3.043.856.948	40,83%
3. Phương tiện VT	5.812.443.159	1.320.168.783	22,71%
4. Thiết bị d.cụ QL	98.618.182	19.077.111	19,34%
Cộng	22.291.678.605	7.706.387.122	34,57%

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	325.825.000	299.704.739	91,98%
Cộng	325.825.000	299.704.739	91,98%

2.2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016	TH2016/TH2015
Nợ ngắn hạn	46.041	41.623	65,97%	68,61%	90,40%
Nợ dài hạn	23.755	19.042	34,03%	31,39%	80,16%
Tổng nợ phải trả	69.796	60.665	100,00%	100,00%	86,92%

Trong năm 2016, tình hình nợ phải trả có xu hướng giảm so với năm 2015, mức tổng nợ phải trả trong năm 2016 đạt 60,7 tỷ đồng giảm 13,08% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: không có sự thay đổi đáng kể đạt 41,6 tỷ đồng chỉ giảm 9,6% so với năm trước, tăng tỉ trọng từ 65,97% lên 68,61%.

- Nợ dài hạn là phần phải trả cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam khoảng hơn 23 tỉ đồng, đã được Công ty chuyển trả còn 19 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng công nghệ mới trong XDCCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.

- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.

- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.

- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhật phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong công ty...

- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị

cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức. Phân đầu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, về kết cấu hạ tầng như sau

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phân đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển:

+ Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng: Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có. Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê, bô xít Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh

(vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuột - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận; Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái; Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của công ty.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1. Tổng quan:

Năm 2016, Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt việc cạnh tranh thị phần giữa các phương thức vận tải đường hàng không, đường bộ, đường sắt ngày càng gay gắt; thị phần vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường sắt liên tục giảm, đặc biệt trong năm 2016 do sự cố sập cầu Ghềnh trên tuyến đường sắt Thống nhất, chất lượng phục vụ khách hàng, chủ hàng không được tốt do cỡ sớ hạ tầng xuống cấp, tư duy phục vụ còn chưa thay đổi; sự trỗi dậy, bức phá của hàng không, đường bộ, đường thủy. Do đó thị phần vận tải của Ngành đường sắt chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong vận tải hàng hóa, hành khách của đất nước, nhiều đơn vị trong ngành đường sắt không có việc làm, không có tiền để trả lương cho CBCNV.

Về phía Công ty, năm 2016 là năm đầu tiên chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước có nhiều thay đổi về quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại tổ chức với rất nhiều khó khăn của đất nước và của ngành đường sắt. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đường sắt QNĐN với sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chi đạo quyết liệt của Ban điều hành Công ty và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội

đồng cổ đông lần thứ nhất đã thông qua.

1.2. Những kết quả đạt được:

Năm 2016 được nhận định là năm bản lề nền móng, những thành tựu và kết quả đạt được chính là sự nỗ lực của trí tuệ và sức mạnh của tập thể, đặt nền móng vững chắc cho chặng đường phát triển những năm tiếp theo. Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2016 như sau: mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp làm công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, nhưng với những giải pháp đúng đắn Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016. Bên cạnh việc luôn đảm bảo ATCT, giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu bảo dưỡng cầu đường luôn đứng từ thứ 4 → 6 toàn ngành về chất lượng cầu đường, Công ty đã chủ động đẩy mạnh tìm kiếm ký kết thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt để tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBCNV, cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt: 115.435 triệu đồng đạt 96%.
- Lợi nhuận đạt: 2.206 triệu đồng đạt 100,3%.
- Thu nhập bình quân đạt 6.430.000 đồng/người/tháng tăng 11% so với năm 2015.
- 100% người lao động có việc làm ổn định.

* Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016:

- Hội đồng quản trị Công ty được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông đã lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính và đã được Tổng công ty ĐSVN chấp thuận.

- Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

* Về mặt quản trị doanh nghiệp: Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại. Năm 2016, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008, Công ty đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm soát, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty.

1.3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2016, HĐQT đánh giá công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu SXKD: do công tác dự báo nhận định chưa lường hết các khó khăn, thay đổi của đất nước, của ngành đường sắt nên trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đưa ra chỉ tiêu về doanh thu cao dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu doanh thu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban giám đốc Công ty được giao quản lý, phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty; các Đội DTCD, Phân đoạn Hải Vân, Xí nghiệp đã chỉ đạo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016 của các đơn vị, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty năm 2016 đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam năm 2017 được dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2016, tuy nhiên nền kinh tế của chúng ta vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, bên cạnh việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, chúng ta cần phải duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hợp lý. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho, đình đốn sản xuất... vẫn tiếp tục là những khó khăn phải đối mặt. Năm 2017 cũng sẽ là năm thực sự khó khăn và thách thức với công ty nói riêng và ngành đường sắt nói chung, khi mà ngành đường sắt đang tiếp tục tái cơ cấu, thay đổi cơ cấu tổ chức cấp Tổng công ty, tiếp tục thoái vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, chưa có nhà đầu tư chiến lược, có uy tín đầu tư vào đường sắt, thị phần vận tải hành hóa, hành khách của ngành đường sắt đang giảm sút.

Trước những khó khăn thách thức đó, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành công ty và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các chỉ tiêu của năm 2017. Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2017 cụ thể như sau:

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
1	Sản lượng:	126.900	128.247
2	Doanh thu:	115.435	116.589
3	Chi phí:	113.230	114.323
4	Lợi nhuận:	2.206	2.266
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	13,98	14,36
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	7%	7,3%

- Sản lượng, doanh thu tăng 1%.
- Lợi nhuận tăng từ 3% trở lên.
- Thu nhập tăng 5%.
- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo lộ trình Tổng công ty ĐSVN.

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng với sự tham gia của các cán bộ chủ chốt Công ty: Ban Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các trưởng phó phòng ban nghiệp vụ; 02 lần họp bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết xin ý kiến cổ đông, ban hành 12 nghị quyết, 30 quyết định, chỉ đạo xây dựng, thông qua nhiều quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 và những năm tiếp theo. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất tại cuộc họp là định hướng quan trọng để Ban điều hành công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty. Ngoài các cuộc họp nêu trên HĐQT đã thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2016 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

Căn cứ theo quy định của pháp luật, HĐQT đã chỉ đạo việc đăng ký giao dịch hoạt động sau khi trở thành Công ty Cổ phần, cụ thể:

- Đăng ký trở thành công ty đại chúng từ ngày 09/3/2016.
- Cấp giấy chứng nhận lưu ký chứng khoán ngày 06/4/2016.
- Ngày giao dịch đầu tiên trên thị trường chứng khoán ngày 24/6/2016.

* Công tác giám sát đối với Giám đốc công ty:

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã có các cuộc họp cùng với Ban giám đốc xây dựng, điều hành các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Mối quan hệ quản trị và điều hành Công ty giữa HĐQT và Giám đốc công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về quản trị công ty.

Hàng quý, Giám đốc công ty đều gửi báo cáo tài chính cho HĐQT. HĐQT cũng thường xuyên chỉ đạo Giám đốc thực hiện công tác kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

***Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý:**

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công việc đã tham mưu cho Giám đốc kịp thời và hiệu quả.

*** Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển của Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều hành công ty.

*** Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban.

2. Ban kiểm soát:**2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Đầu năm 2016, căn cứ Điều lệ Công ty, căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, căn cứ đặc điểm tình hình của Công ty, Ban kiểm soát lập chương trình kiểm soát năm 2016. Ban kiểm soát triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2016 của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2016 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016.

- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HDQT và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc.

Trong năm 2016 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát như quy chế đã quy định, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2016.

Ngoài ra, Trưởng BKS được tham dự các cuộc họp của HDQT.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HDQT, Ban Giám đốc cũng như các phòng ban nghiệp vụ để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

2.2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HDQT, Ban giám đốc:*** Hội đồng quản trị:**

- HDQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- Về thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm qua HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hằng quý HĐQT họp theo định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác quý trước và đề ra chương trình của quý sau, trong năm HĐQT còn có nhiều cuộc họp đột xuất. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong Biên bản cuộc họp và có Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao cho Giám đốc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2016 về các mặt của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2017.

*** Ban Giám đốc và cán bộ quản lý:**

Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. Giám đốc họp Ban điều hành bàn bạc, thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao.

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm. Tuy nhiên một số chuyên đổi công việc còn khá mới nên công tác quản lý còn lúng túng dẫn đến tham mưu chưa thực sự kịp thời cho Ban giám đốc trong công tác điều hành công việc.

VI. Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
 AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.



Số: 057/2017/BCKT-PB 00013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính xét thực dụng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Hà Nội City Office: Tel: +84 41 200 2916; Fax: + 84 43 795 0832; Email: pkf.hanoi@pkf.vn
 120, Sunrise Building, 011, Tran Thai Tong Street, Dich Vong Mau Ward, Cau Giang District, Hanoi, Vietnam; Website: pkf.vn

PKF - AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member firm or firms.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tiến Hà

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0902-2016-009-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Lê Việt Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2016-009-1

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CAO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/12/2016	04/01/2016
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.752.774.788	68.435.413.390
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.815.865.164	7.536.159.868
1. Tiền	111		16.815.865.164	7.536.159.868
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.115.066.475	33.045.867.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	25.736.583.878	31.821.523.251
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.800.000	175.800.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.350.682.797	1.248.544.304
IV/ Hàng tồn kho	140		20.959.866.017	27.761.022.294
1. Hàng tồn kho	141	V.04	20.959.866.017	27.761.022.294
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		861.977.132	92.363.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	200.309.863	24.985.908
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.09	631.607.269	67.377.746
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.407.809.226	15.100.187.107
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		8.006.091.861	9.651.311.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	7.706.387.122	9.345.092.122
- Nguyên giá	222		22.291.678.605	22.291.678.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		14.585.291.483	12.946.586.483
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	299.704.739	306.219.739
- Nguyên giá	228		326.825.000	326.825.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.120.261)	(119.605.261)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		458.304.371	2.240.782.788
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.04	441.201.703	2.223.680.121
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.102.668	17.102.668
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		1.943.412.994	3.208.092.457
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	1.943.412.994	3.208.092.457
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		78.160.584.014	83.535.600.497

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 156 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BAO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		60.665.070.982	69.796.331.543
I/ Nợ ngắn hạn	310		41.622.849.968	46.041.421.379
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	25.005.488.311	15.297.133.327
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		129.460.000	133.490.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	2.815.752.428	2.672.020.096
4 Phải trả người lao động	314		248.612.720	375.094.420
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		217.696.269	660.801.020
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	7.258.233.181	16.188.003.067
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	5.109.301.460	9.038.646.000
8 Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		798.365.536	1.227.262.536
II/ Nợ dài hạn	330		19.042.221.014	23.754.910.164
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.11	19.042.221.014	23.754.910.164
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.495.513.032	13.739.268.954
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.12	17.495.513.032	13.739.268.954
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.775.000.000	7.624.387.663
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.775.000.000	7.624.387.663
2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			6.114.581.291
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.720.513.032	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.720.513.032	
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78.160.584.014	83.535.600.497



Nguyễn Văn Ty
Chủ tịch HĐQT
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Lan Hương
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh
Người lập biểu

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B02 - DN

BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	114.689.181.831	111.211.983.386
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.689.181.831	111.211.983.386
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	100.372.749.870	96.981.872.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.316.431.961	12.550.111.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	71.375.381	317.939.471
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	257.848.188	13.189.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		257.848.188	13.189.544
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	11.944.909.680	11.832.305.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.185.049.456	942.556.243
11. Thu nhập khác	31	VI.06	674.817.668	3.332.801.331
12. Chi phí khác	32	VI.07	653.871.121	3.230.332.464
13. Lợi nhuận khác	40		20.946.447	102.468.867
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.205.995.903	1.045.025.110
15. Chi phí thuế TNCN hiện hành	51	VI.08	485.482.811	231.083.591
16. Chi phí thuế TNCN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.720.513.032	813.941.609
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	700	



Nguyễn Văn Tý
 Chủ tịch HĐQT
 Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Lan Hương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vinh
 Người lập biểu

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B03 - DN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.205.995.903	1.045.025.110
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.645.220.060	1.595.594.001
- Lợi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71.375.361)	(337.939.882)
- Chi phí lãi vay	06	257.848.186	17.146.944
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.037.688.728	2.385.968.833
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	4.495.030.803	(5.835.239.771)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	8.683.634.895	27.393.535.277
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(30.241.561)	(10.178.057.688)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.059.295.509	(2.895.345.095)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(231.586.897)	(13.189.544)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(270.171.359)	(830.148.355)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.862.858.441	185.513.639
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.745.205.441)	(5.658.580.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.491.783.840	(1.422.741.367)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(503.725.865)
2. Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.266.843	337.939.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.266.843	(165.785.983)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.788.015.793	17.841.948.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.070.361.200)	(8.450.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38		(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.282.345.407)	8.391.948.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.279.705.276	6.803.119.550
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.536.159.888	733.040.338
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.815.865.164	7.536.159.888



Nguyễn Văn Tý
 Chủ tịch HĐQT
 Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Lan Hương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh
 Người lập biểu

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý, đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hoá theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 3 là 15.775.000.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Hoạt động kinh doanh chính:

Xi nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xây dựng Công trình

Số 196 đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng

Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động là công ty cổ phần do chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH một thành viên, bắt đầu từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực tương tự hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhất kỳ chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty. Bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 196 đường Hà Trưng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất nhà Cung Cầu Đà Nẵng được trích khấu hao theo thời gian sử dụng là 50 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 235/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 04/01/2016).

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hai Phong - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tắc

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay nặng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giá quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giá quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay nặng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tăng, giảm, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (c) các khoản điều chỉnh do áp dụng nội tờ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hối tố sai sót trong yêu cầu các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ hên lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chính lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại dựa trên lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được trừ hoặc nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuế hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trung yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cung chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tại Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	178.696.787	48.493.813
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.637.188.377	7.487.666.075
Cộng	16.815.865.164	7.536.159.888

02. Phải thu khách hàng

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Trường An	-	-	14.848.526.000	-
Tổng Công ty Đường sắt VN	16.344.654.847	-	8.791.273.435	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.393.928.831	-	7.981.723.815	-
Cộng	25.738.583.678	-	31.621.523.250	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	51.077.000	-	964.065.000	-
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	986.229.000	-	964.065.000	-
Tổng Công ty Đường sắt VN	16.344.654.847	-	8.791.273.435	-
Cộng	17.381.960.847	-	10.719.403.435	-

03. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	-	500.000.000	-
Kỳ quỹ, kỳ cước	1.326.632.218	-	88.000.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	56.306.700	-	136.796.700	-
Chi phí vật tư thu hồi	1.033.985.198	-	-	-
Phải thu bồi thường tai nạn trật bánh	340.647.060	-	340.647.060	-
Phải thu khác	83.051.621	-	183.100.544	-
Cộng	3.350.682.797	-	1.248.544.304	-

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

04. Hàng tồn kho

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.451.392.733	-	11.908.678.980	-
Công cụ, dụng cụ	1.371.150.424	-	1.198.150.733	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.137.319.860	-	14.854.192.801	-
Cộng	20.959.866.017	-	27.961.022.294	-

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2016	04/01/2016
	Giá gốc (i) VND	Giá gốc (i) VND
CT tháo dỡ lắp đặt 4 bộ ghi NSon km 813+630	369.540.850	369.540.850
CT vận chuyển vật tư lên đèo	71.660.850	71.660.850
CT 3 đường ngang km 794+685, 796+870, 798+228	-	1.782.478.411
Cộng	441.201.703	2.223.680.121

(i) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình bằng giá gốc.

05. Chi phí trả trước

a) Ngân hàng

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa dây nhà Kút	202.925.000	-
Chi phí mua bán hiểm	21.417.363	20.792.636
Các khoản khác	6.027.500	4.193.273
Cộng	230.369.863	24.985.909

b) Dài hạn

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ khấu đọng	-	292.972.995
Lợi thế kinh doanh	1.943.412.994	2.915.119.401
Cộng	1.943.412.994	3.208.092.457

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 156 Đường Hà Trưng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

06. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quan lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYỄN GIÀ					
Số dư tại 04/01/2016	8.925.765.268	7.454.851.996	5.812.443.159	98.618.182	22.291.678.605
Số dư tại 31/12/2016	8.925.765.268	7.454.851.996	5.812.443.159	98.618.182	22.291.678.605
GIÁ TRỊ HAO MÓN					
Số dư tại 04/01/2016	4.993.517.988	3.778.895.048	4.112.354.376	61.819.071	12.946.586.483
Khấu hao trong năm	608.963.000	632.100.000	379.920.000	17.722.000	1.638.705.000
Số dư tại 31/12/2016	5.602.480.988	4.410.995.048	4.492.274.376	79.541.071	14.585.291.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 04/01/2016	3.932.247.280	3.675.956.948	1.700.088.783	36.799.111	9.345.092.122
Số dư tại 31/12/2016	3.323.284.280	3.043.856.948	1.320.168.783	19.077.111	7.706.387.122

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BAO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 04/01/2016	325.825.000	325.825.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>325.825.000</u>	<u>325.825.000</u>
GIA TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 04/01/2016	19.605.261	19.605.261
Khấu hao trong năm	6.515.000	6.515.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>26.120.261</u>	<u>26.120.261</u>
GIA TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 04/01/2016	306.219.739	306.219.739
Số dư tại 31/12/2016	<u>299.704.739</u>	<u>299.704.739</u>

08. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Vật tư đường sắt Đà Nẵng	8.327.207.835	8.327.207.835	3.474.920.635	3.474.920.635
Công ty CP Cơ khí Đường Sắt Đà Nẵng	2.599.174.455	2.599.174.455	1.305.282.325	1.305.282.325
Công ty CP XNK Vật tư Thiết bi ĐS - XN vật tư Tổng hợp	1.782.634.494	1.782.634.494	2.895.446.870	2.895.446.870
Công ty CP Đường sắt Thanh Phải trả cho các đối tượng	568.353.000	568.353.000	2.068.353.000	2.068.353.000
	11.758.118.532	11.758.118.532	5.653.130.507	5.653.130.507
Cộng	<u>25.035.488.316</u>	<u>25.035.488.316</u>	<u>15.397.133.337</u>	<u>15.397.133.337</u>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Xí nghiệp cao su đường sắt - Công ty CP Xi măng Gia Lâm	424.729.200	424.729.200	424.729.200	424.729.200
TT Đào tạo KT&NV Đường sắt Đà Nẵng	207.090.000	207.090.000	73.678.500	73.678.500
Công ty CP Đường sắt Hà Nội	6.845.000	6.845.000	27.378.518	27.378.518
Công ty CP Đường sắt Thanh Phải	568.353.000	568.353.000	2.068.353.000	2.068.353.000
Công ty CP Thông tin tin hiệu ĐS Đà Nẵng	1.531.118.000	1.531.118.000	967.882.000	967.882.000
Cộng	<u>2.738.135.200</u>	<u>2.738.135.200</u>	<u>3.562.021.218</u>	<u>3.562.021.218</u>

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 166 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BAO CÁO TÀI CHÍNH
Chú năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.576.340.877	7.397.038.076	7.588.123.634	7.588.123.634	2.386.255.319	-	427.641.607	2.813.900.926	2.813.900.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	89.113.745	904.699.241	270.171.059	270.171.059	-	-	-	270.171.059	270.171.059
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.665.494	17.629.502	28.239.494	28.239.494	-	-	-	28.239.494	28.239.494
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	951.823.849	951.823.849	951.823.849	-	-	-	951.823.849	951.823.849
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-	-	4.000.000	4.000.000
Phí lệ phí và các khoản khác	67.377.745	-	(437.468.175)	126.761.349	126.761.349	631.607.269	-	631.607.269	-	631.607.269
Cộng	67.377.745	2.679.020.096	8.541.622.493	8.969.119.685	8.969.119.685	631.607.269	631.607.269	2.813.900.926	2.813.900.926	2.813.900.926

10. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng

	31/12/2016		Trong năm		04/01/2016	
	Của tin VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng (1)	5.109.301.493	5.109.301.493	21.788.015.793	20.070.961.200	9.391.646.900	9.391.646.900
Cộng	5.109.301.493	5.109.301.493	21.788.015.793	20.070.961.200	9.391.646.900	9.391.646.900

(1) Thông tin chi tiết khoản vay

Hợp đồng vay số 01/2016-HĐTDHM/NHCT480-DUONGSA TONDN ngày 05/05/2016

Hạn mức khoản vay 15.000.000.000 VND.

Thời hạn duy trì hạn mức từ 29/04/2016 đến 25/04/2017, thời hạn vay của từng khoản nợ đã quá hạn.

Mức trích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Lãi suất từ 8%-9,5%/năm

Biện pháp bảo đảm:

Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho, các quyền và lợi ích phát sinh theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/HĐTC/NHCT480-DUONGSAT QNLDN tháng 5/2016

Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng theo hợp đồng thế chấp số 02/2016/HĐTC/NHCT480-DUONGSAT QNLDN tháng 5/2016

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**BAO CAO TÀI CHÍNH**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11. Phải trả ngắn hạn khác**a) Ngắn hạn**

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	158.802.000	158.802.000	200.011.680	200.011.680
Bảo hiểm xã hội	1.416.859.632	1.416.859.632	128.053.778	128.053.778
Bảo hiểm y tế	251.102.888	251.102.888	37.573.631	37.573.631
Bảo hiểm thất nghiệp	98.001.969	98.001.969	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	802.609.117	802.609.117	4.963.681.722	4.963.681.722
Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.185.486.575	4.185.486.575	10.012.762.210	10.012.762.210
Chi phí vật tư thu hồi	345.371.000	345.371.000	-	-
Cộng	7.258.233.181	7.258.233.181	16.168.003.085	16.168.003.085

b) Dài hạn

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	19.042.221.014	19.042.221.014	23.754.910.164	23.754.910.164
Cộng	19.042.221.014	38.084.442.028	23.754.910.164	47.509.820.328

c) Phải trả - phải nộp khác cho các bên liên quan

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	23.227.707.589	23.227.707.589	33.767.672.374	33.767.672.374
Cộng	23.227.707.589	23.227.707.589	33.767.672.374	33.767.672.374

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Báo cáo tài chính

Số năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Số dư tại 01/01/2015		Số dư tại 03/01/2016		Số dư tại 04/01/2016		Số dư tại 31/12/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2015								
Lãi trong năm trước	11.278.388.869	-	11.278.388.869	-	11.278.388.869	-	11.278.388.869	-
Tăng khác (i)	-	6.114.881.291	-	6.114.881.291	-	6.114.881.291	-	6.114.881.291
Phân phối lợi nhuận (ii)	(3.654.001.298)	-	(3.654.001.298)	-	(3.654.001.298)	-	(3.654.001.298)	-
Giảm khác (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 03/01/2016	7.624.387.563	6.114.881.291	7.624.387.563	6.114.881.291	7.624.387.563	6.114.881.291	7.624.387.563	6.114.881.291
Số dư tại 04/01/2016								
Lãi trong năm này	8.150.512.337	-	8.150.512.337	-	8.150.512.337	-	8.150.512.337	-
Tăng khác (iv)	-	(6.114.881.291)	-	(6.114.881.291)	-	(6.114.881.291)	-	(6.114.881.291)
Giảm khác (v)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	15.775.000.000	-	15.775.000.000	-	15.775.000.000	-	15.775.000.000	-

(i) Điều chỉnh lại tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa
 (ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: số tiền là 647.941.609 VND. Trích quỹ thường bản quản lý điều hành số tiền là 166.000.000 VND
 (iii) Giảm nợ nộp phân chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ đã được phê duyệt và giảm do bán giao TSCĐ không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa về Tổng Công ty
 (iv) Kết chuyển số chênh lệch đánh giá lại tài sản sang nguồn vốn kinh doanh tài trợ điểm chính thực chuyển sang công ty cổ phần và tiền thu từ phát hành thêm cổ phần để tăng vốn kinh doanh

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CAO TÀI CHÍNH

Số 196 Đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016		
	Số lượng CP	Giá trị VNĐ	Tỷ lệ %
Tổng Công Đường sắt Việt Nam	804.525	8.045.250.000	51,00%
Vốn góp của cổ đông khác	772.975	7.726.750.000	49,00%
Cộng	1.577.500	15.775.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2016
	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	1.577.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000

13. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ tại 31/12/2016: là các vật tư, phế liệu thu hồi từ hoạt động duy tu, sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Phẩm chất
1	Bulon ke TD	cái	8	còn sử dụng được
2	Bulon móc cầu 70%	cái	133	còn sử dụng được
3	Bulon Φ 18x200 80%	cái	40	còn sử dụng được
4	Cán nhựa TD	kg	360	còn sử dụng được
5	Cán sắt C3-C4 TD	kg	3.176,5	còn sử dụng được
6	Cán sắt S14-S20 TD	kg	8	còn sử dụng được
7	Cọc K1 cách điện TD	kg	289	còn sử dụng được
8	Cọc TVS TVBTK1 KS TD	cái	432	còn sử dụng được
9	Cọc đàn hồi A, B TD	kg	9.733,8	còn sử dụng được
10	Cọc TV sắt K1 TD	kg	1.648,3	còn sử dụng được
11	Cọc TVS K1 55%	cái	240	còn sử dụng được
12	Cọc tasA B70%	cái	134	còn sử dụng được
13	Củ đầu TD	kg	90	còn sử dụng được
14	Dầm I 810 L-sim	kg	1.267	còn sử dụng được
15	Đan Bê tông	Tâm	9	còn sử dụng được
16	Đem sắt K3 TD 70%	tâm	570	còn sử dụng được
17	Đem sắt TD	kg	5	còn sử dụng được
18	Đem sắt TVBT TD	cái	10	còn sử dụng được
19	Đem sắt TVG TD	tâm	1.348	còn sử dụng được

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

ST	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Phẩm chất
20	Đinh cóc burom 70%	cái	124	còn sử dụng được
21	Đinh cóc nhíp TD	cái	20	còn sử dụng được
22	Đinh cóc TV sắt TD	kg	3.905,2	còn sử dụng được
23	Đinh cóc TVBT TD	kg	14	còn sử dụng được
24	Đinh cóc TVS TD 35%	cái	104	còn sử dụng được
25	Đinh Cramponng nhíp TD	Cái	59	còn sử dụng được
26	Đinh đĩa TD	cái	422	còn sử dụng được
27	Đinh mối P30 P43 TD	kg	429,7	còn sử dụng được
28	Dụng cụ PL	kg	40	còn sử dụng được
29	Lắp lách P30 43 TD	bộ	1.061,5	còn sử dụng được
30	Lắp lách P43 50%	bộ	7	còn sử dụng được
31	Lắp lách P43 TD	kg	3.224	còn sử dụng được
32	Lắp lách P43 TD 90%	bộ	2,5	còn sử dụng được
33	Ray P30 11m 70% TD	thanh	28	còn sử dụng được
34	Ray P43 TD 98%	thanh	12	còn sử dụng được
35	Ray P43L=12,5m TD	kg	30.217	còn sử dụng được
36	Ray P50 L=1m TD	kg	480	còn sử dụng được
37	Ronden phẳng TD	cái	24	còn sử dụng được
38	Ronden phẳng TD	kg	438	còn sử dụng được
39	Rong đèn Ø 24 TD	kg	73,8	còn sử dụng được
40	Sắt PL	kg	289,5	còn sử dụng được
41	Thanh giằng cụ lý TD ns-tk	cái	2	còn sử dụng được
42	TV cầu 16x22x220 TD	thanh	1	còn sử dụng được
43	TV sát tận dung 20%	thanh	5	còn sử dụng được
44	TVBT K1 K3A PL	thanh	4.474	còn sử dụng được
45	TVET TN1 TD	thanh	7	còn sử dụng được
46	Xà gỗ gỗ 07x0 14	m3	1,08	còn sử dụng được
47	Dầm I 450 L=5m PL	kg	1.216,7	mất phẩm chất
48	Dầm thép cũ H350	kg	1.492	mất phẩm chất
49	Dầm thép I 820 L=9m PL	kg	2.680	mất phẩm chất
50	Đêm sắt PL	kg	6.705	mất phẩm chất
51	Ghì cũ P43-TQ(hồng)	kg	4.500	mất phẩm chất
52	Ghì P43 TQ 10%	bộ	2	mất phẩm chất
53	Kit hồng thu hồi	cái	4	mất phẩm chất
54	Lắp lách PL (cv.3660)	kg	20.682,5	mất phẩm chất
55	Lưỡi ghì PL	kg	560	mất phẩm chất
56	Phụ kiện phế liệu	kg	73.735,36	mất phẩm chất
57	Ray hồ bánh P30	kg	4.193,00	mất phẩm chất
58	Ray P25 phế liệu	kg	60	mất phẩm chất
59	Ray P43 hồ bánh PL	kg	2.888,0	mất phẩm chất
60	Ray P30 L=12m PL (cv.3660)	kg	5.065,00	mất phẩm chất
61	Ray P30 phế liệu	kg	13.307	mất phẩm chất
62	Ray P43 L=12,5m PL (cv.3660)	kg	58.482,95	mất phẩm chất
63	Ray P43 L=25m PL (cv.3660)	kg	69.350	mất phẩm chất
64	Ray P43 ngà1 PL (cv.3660)	kg	47.614	mất phẩm chất
65	Ray P43 PL 98%	kg	2.651	mất phẩm chất
66	Ray P50 Phế liệu	kg	1.529,5	mất phẩm chất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Phẩm chất
67	Sườn ghi P30 P43 chế liệu	kg	966	mặt phẩm chất
68	Tấm ghi PL	kg	1.200	mặt phẩm chất
69	TVBT TN1 K1 K3 PL	thanh	6.461	mặt phẩm chất
70	TV sắt PL	kg	267.973	mặt phẩm chất
71	Xương ghi F50.43+pike chế liệu	kg	23.150	mặt phẩm chất

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BAY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	99.973.543.834	86.543.236.780
Doanh thu hoạt động khác	14.715.838.197	24.265.746.556
Cộng	114.689.381.831	110.809.983.336

b) Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	228.251.818	876.422.727
TT Đào tạo KT&NV Đường sắt Đà Nẵng	-	107.230.886
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	896.571.818	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	106.541.555.452	90.125.802.214
Cộng	107.666.379.088	91.109.455.827

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	84.172.644.325	73.677.460.661
Giá vốn hoạt động khác	16.200.105.545	24.984.411.354
Cộng	100.372.749.870	98.661.872.015

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CAO TÀI CHÍNH

Số 19C đường Hà Phòng, Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.375.361	337.939.882
Cộng	71.375.361	337.939.882

04. Chi phí tài chính

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Lãi tiền vay	257.848.186	13.189.544
Cộng	257.848.186	13.189.544

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.187.946.999	7.289.377.696
Chi phí vật liệu quản lý	2.712.241	4.180.680
Chi phí đồ dùng văn phòng	244.258.784	
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.722.000	17.247.435
Thuế, phí và lệ phí	1.220.066.783	889.482.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.516.465	497.392.356
Chi phí bằng tiền khác	3.846.686.408	3.403.724.990
Cộng	11.944.909.680	11.932.305.446

06. Thu nhập khác

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Thu từ thanh lý vật tư thu hồi		2.877.372.100
Các khoản khác	674.817.568	445.429.231
Cộng	674.817.568	3.322.801.331

07. Chi phí khác

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Chi thanh lý vật tư thu hồi		2.877.372.100
Các khoản truy thu, phạt thuế, chậm nộp thuế	217.719.723	5.354.439
Các khoản khác	436.151.398	337.808.925
Cộng	653.871.121	3.220.332.464

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CAO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

08. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	2.205.995.903	1.045.025.110
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kê toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	221.418.073	5.354.439
Các khoản điều chỉnh tăng	221.418.073	5.354.439
Các khoản trừ thuế, phạt thuế, chậm nộp thuế	217.719.723	5.354.439
Các khoản khác	3.698.350	
Thu nhập tính thuế TNDN	2.427.413.976	1.050.379.549
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	485.482.871	231.083.501

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận kê toán sau thuế TNDN	1.720.513.030
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kê toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.720.513.030
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(616.263.032)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.577.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	700

(i) Số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.963.063.334	23.662.497.142
Chi phí nhân công	50.250.230.043	55.288.879.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.645.220.000	1.665.664.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.068.520.321	913.818.391
Chi phí khác bằng tiền	10.915.766.333	16.806.445.871
Cộng	108.843.800.031	99.357.136.245

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TIỀN

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.414.025.600	14.507.949.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	26.070.361.200	8.450.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính

02. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trong yêu cầu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

03. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		04/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.815.865.164	-	7.536.159.889	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.089.269.476	-	32.870.067.564	-
	45.905.131.639		40.406.227.442	

	Giá trị ghi sổ		04/01/2016	
	31/12/2016 VND		04/01/2016 VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	5.109.301.493	-	6.351.646.360	-
Phải trả người bán và phải trả khác	51.335.042.511	-	55.320.046.531	-
Chi phí phải trả	217.636.289	-	160.301.000	-
	56.662.880.293		61.832.494.489	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

BAO CAO TÀI CHÍNH

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu, thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá, lãi suất, và giá hàng hóa.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác). Cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.815.865.164	-	-	16.815.865.164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.089.266.475	-	-	29.089.266.475
Cộng	45.905.131.639	-	-	45.905.131.639
Tại ngày 04/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.536.159.888	-	-	7.536.159.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.621.523.250	-	-	31.621.523.250
Cộng	39.157.683.138	-	-	39.157.683.138

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng này không.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 Đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BAO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	5.109.301.493			5.109.301.493
Phải trả người bán và phải trả khác	32.293.721.497	19.042.221.014		51.335.942.511
Chi phí phải trả	217.638.289			217.638.289
Cộng	37.620.659.279	19.042.221.014	-	56.662.880.293
Tại ngày 04/01/2016				
Vay và nợ	9.391.646.900			9.391.646.900
Phải trả người bán và phải trả khác	31.665.136.422	23.754.910.164		55.420.046.586
Chi phí phải trả	660.801.000			660.801.000
Cộng	41.617.584.322	23.754.910.164	-	65.372.494.486

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

04. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Xé lửa Gia Lâm	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Hà Nội	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP T.T.H. Đ.S. Đà Nẵng	Công ty con thuộc TCT
IT Đào tạo KT&NV Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị sự nghiệp thuộc TCT

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	1.422.645.600

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

05. Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

06. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IFC.



Nguyễn Văn Ty
Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017



Phan Thị Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vinh
Người lập biểu

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Ty